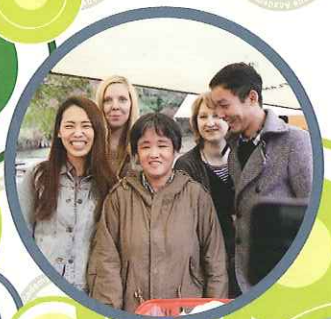


Welcome to



友ランゲージアカデミー Yu Language Academy 友語言學院

日本国法務省告示校
JAPANESE LANGUAGE SCHOOL IN SHINJUKU TOKYO



Yu 友ランゲージアカデミー
Yu Language Academy 友語言學院
〒169-0072
東京都新宿区大久保2-16-25
TEL 03-3209-0160
FAX 03-3209-0170
〒169-0072
2-16-25 Okubo Shinjuku-ku Tokyo Japan
TEL +81-3-3209-0160
FAX +81-3-3209-0170

日本村有限公司 NIHON MURA CO., LTD. <https://news.nihonmura.tw/>

10552 台北市松山區復興北路73號7樓之2 TEL: (02)8772-7977

aiueo@nihonmura.com (日本遊學 留學諮詢, 採預約制。)

20220815

<http://yula>

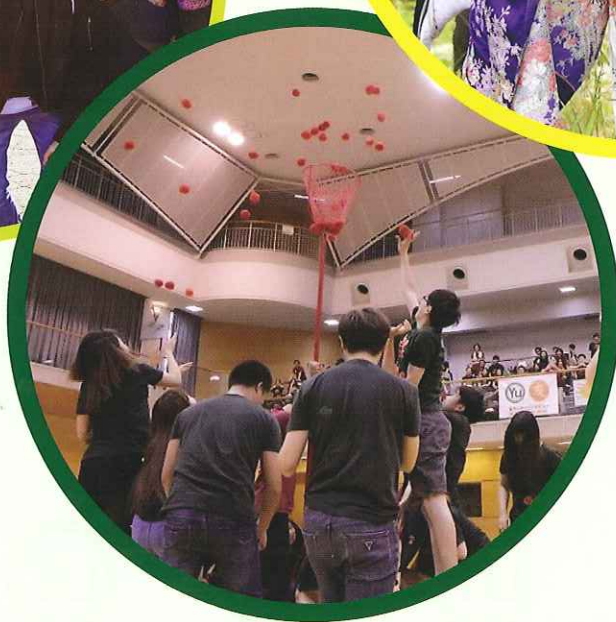
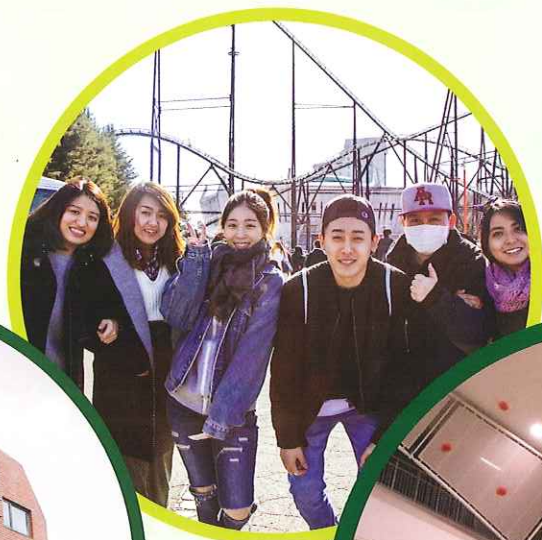


まじめに楽しく 日本語を学ぼう!

Persistently but joyfully, strive for strong Japanese language skills!

讓我們一起來認真愉快地學習日語吧!

Cùng vui học tiếng nhật!



コース名 Courses 課程 Khóa học	入学時期 Enrollment 入學時期 Kỳ nhập học	対象・目標(0からのスタートの場合) Goals/Aims(if starting course from beginner's level) 對象・目標 Đối tượng-Mục tiêu	講座 Practice 講座 Khóa luyện thi
進学2年 Long-term (2 years) 升學2年 2 năm	4月 April 4月 Tháng 4	<ul style="list-style-type: none"> 日本での進学を目指す人 日本語能力試験N1 日本留学試験 Enter University/College in Japan JLPT exam N1 level EJU exam (to enter University) 	日本留学試験対策講座 小論文・面接対策 training course for "EJU" exam; essay writing course; interview coaching 日本留學考試對策講座 小論文・面試對策 Khóa ôn luyện thi vào đại học tại nhật. Đối sách viết luận văn, phỏng vấn.
進学1年9ヶ月 Long-term (1 year 9 months) 升學1年9個月 1 năm 9 tháng	7月 July 7月 Tháng 7	<ul style="list-style-type: none"> 想要在日本升學的人 日語能力考試N1 日本留學考試 Những học sinh có mục đích thi lên tại Nhật Năng lực tiếng nhật N1 Thi đại học dành cho du học sinh tại Nhật 	
進学1年6ヶ月 Long-term (1 year 6 months) 升學1年6個月 1 năm 6 tháng	10月 October 10月 Tháng 10	<ul style="list-style-type: none"> 日本での進学を目指す人 日本語能力試験N1・N2 日本留学試験 Enter University/College in Japan JLPT exam N1, N2 levels EJU exam (to enter University) 	
進学1年3ヶ月 Long-term (1 year 3 months) 升學1年3個月 1 năm 3 tháng	1月 January 1月 Tháng 1	<ul style="list-style-type: none"> 想要在日本升學的人 日語能力考試N1・N2 日本留學考試 Những học sinh có mục đích thi lên tại Nhật Năng lực tiếng nhật N1 Thi đại học dành cho du học sinh tại Nhật 	
進学1年 Long-term (1 year) 升學1年 1 năm	4月 April 4月 Tháng 4		
短期3ヶ月 Short-term (3 months) 短期3個月 Ngắn hạn 3 tháng	4.7.10.1月 Apr., Jul., Oct., Jan. 4.7.10.1月 Tháng 4,7,10,1	<ul style="list-style-type: none"> 日本語のスキルアップを目指す人 日本語能力試験N4・N5 Improve knowledge and skills in Japanese JLPT exam N4, N5 levels 想要提高日文水平的人 日語能力考試N4・N5 Những học sinh muốn nâng cao kỹ năng tiếng Nhật Thi năng lực N4, N5 	





專攻專門課程
Special courses' try-out lessons
專攻專門課程
Giờ học chuyên môn đặc biệt



授業風景
Lessons
課堂探風
Giờ học



学生休憩室
Students' lobby
學生休息室
phòng chờ của học sinh



教室
Classroom
教室
Phòng học



富士急ハイランド遠足
Trip to the "FujiQ Highland"
富士急遊樂園遠足
Đi chơi fujikyu highland



林間学校
Outdoors school
春遊
Đi du lịch xa



グループ授業
Group lesson
集體討論課
Giờ học theo nhóm



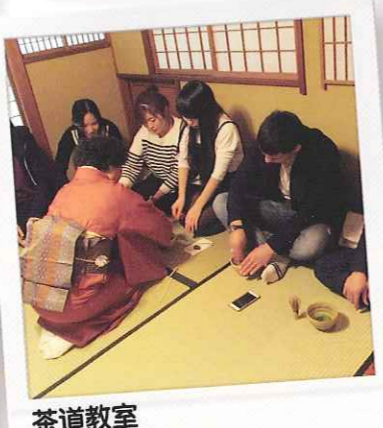
スキー教室
Ski lesson
滑雪教室
Đi trượt tuyết



ゆめいろカフェ (学割)
Café "Yumeiro" (discount for students)
ゆめいろ咖啡店 (學生優惠)
Quán cà phê Yumeiro (có ch ế đ ộ giảm giá dành cho học sinh)



書道教室
Calligraphy
書法教室
Lớp học thư pháp



茶道教室
Tea ceremony
茶道教室
Lớp học trà đạo



着付け教室
Kimono class
和服體驗教室
Giờ học kimono



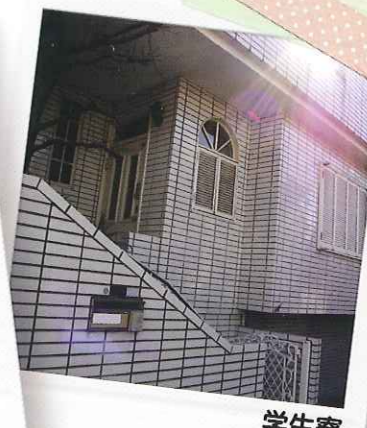
スピーチ大会
Speech contest
演講大賽
Thi hùng biện



BBQ遠足
BBQ party
BBQ野餐
Đã ngoài BBQ



奨学金制度
Scholarship system for students
獎學金制度
Chế độ học bổng



学生寮
Dormitories
學生宿舍
Trường có ký túc xá học sinh



春

Apr - Jun (Spring)
4月~6月 (春)
Tháng 4 đ ến tháng 6 (mùa xuân)



秋

Oct - Dec (Fall)
10月~12月 (秋)
Tháng 10 đ ến tháng 12 (mùa thu)



夏



冬

Jan - Mar (Winter)
1月~3月 (冬)
Tháng 1 đ ến tháng 3 (mùa đông)



日本村

日本村有限公司 Nihon Mura Co., Ltd. (Japan Village)
10552 台北市松山區復興路277號7樓之2 TEL: (02)8772-7977
aiueo@nihonmura.com (日本遊學 留學諮詢, 採預約制。)

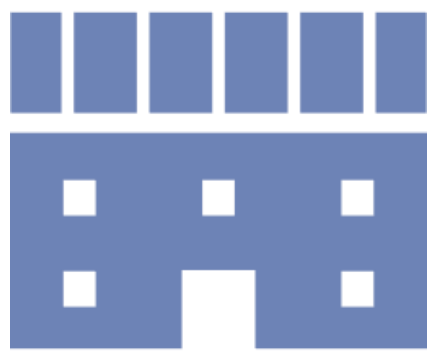
20220315





友語言集團
友語言學院
友國際文化學院
友語言學院札幌校





學校資訊



日本村有限公司 NIHON MURA CO.,LTD. <https://news.nihonmura.tw/>
10552 台北市松山區復興北路73號7樓之2 TEL : (02)8772-7977
aiueo@nihonmura.com (日本遊學 留學諮詢, 採預約制。)

20220815



三校比一比



友語言學院(東京)

友國際文化學院(東京)

友語言學院札幌校

	友語言學院(東京)	友國際文化學院(東京)	友語言學院札幌校
設立年	2003	2014	2018
日本国法務省告示校 優良適正校	✓	✓	✓
定員	300	120	100
中文對應生活指導	✓	✓	✓



交通方式



- JR山手線 新大久保站
徒歩約 12分
- 都營大江戸線 東新宿站
徒歩約 7分
- 副都心線 西早稻田站
徒歩約 5分





本館



2 號館



3 號館

學校外觀



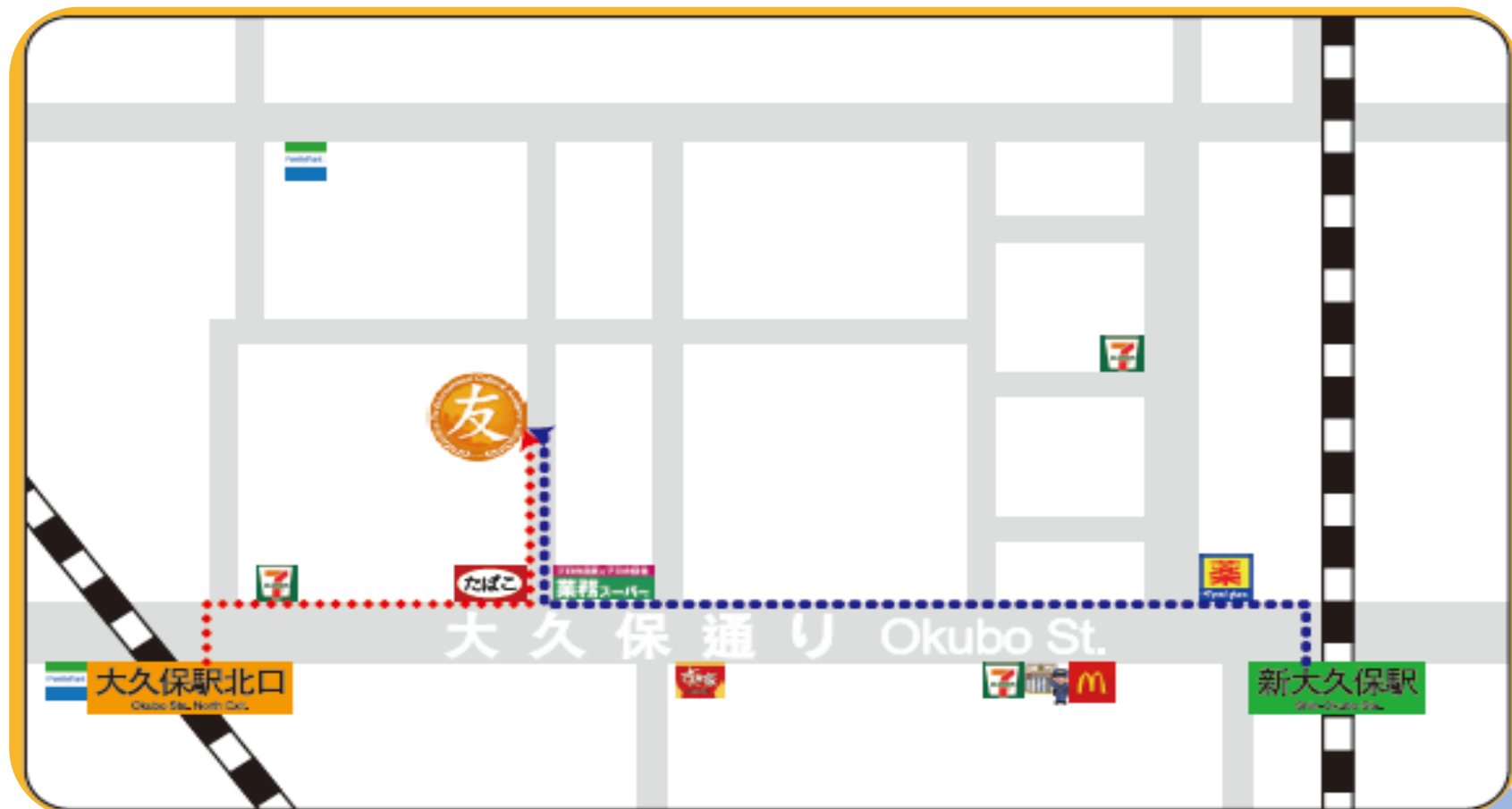
日本村有限公司 NIHON MURA CO.,LTD. <https://news.nihonmura.tw/>
10552 台北市松山區復興北路73號7樓之2 TEL : (02)8772-7977
aiueo@nihonmura.com (日本遊學 留學諮詢, 採預約制。)



交通方式

 友國際文化學院

- JR山手線 新大久保站
徒歩約 5分
- JR總武線 大久保站
徒歩約 3分





學校外觀



日本村有限公司 NIHON MURA CO.,LTD. <https://news.nihonmura.tw/>
10552 台北市松山區復興北路73號7樓之2 TEL : (02)8772-7977
aieuo@nihonmura.com (日本遊學 留學諮詢, 採預約制。)



交通方式

友語言學院札幌校

- JR函館本線 苗穂站 徒歩約 7分
(距離JR函館本線札幌站只有一站)





本館



本館1F



2號館(2020年設立)

學校外觀



日本村有限公司 NIHON MURA CO.,LTD. <https://news.nihonmura.tw/>
10552 台北市松山區復興北路73號7樓之2 TEL : (02)8772-7977
aiueo@nihonmura.com (日本遊學 留學諮詢, 採預約制。)





學校特色



校內獎學金

助學支援

餐費支援

住宿支援

學校特色

在學期間

打工介紹

未來出路

升學/就業支援





校內獎學金

- 對象：經濟狀況欠佳，長期留學簽證學生
- 申請時期：3.6.9.12月，共4次
- 審查方式：書面審查
- 審查條件：出席率・學業成績・上課態度
- 選出名額：1~2名
- 金額：10萬日幣(僅限1次)



助學支援

- 申請對象：全體學生（長期簽證在校生與新入生）
- 申請時期：4月（前期）；10月（後期）
- 申請方式：填表報名
- 審查方式：面試
- 審查條件：出席・成績・上課態度皆優秀者
- 打工制度：為期半年的打工保證期間
- 打工內容：
 - ① 集團公司行政人員
 - ② 集團餐廳服務人員
 - ③ 會話教室講師
 - ④ 打掃（學校・宿舍・飯店）
 - ⑤ 各種一日業務
- 時薪：1,000日幣起





餐費支援

- **支援對象**：東京校的學生
- **支援內容**：集團餐廳有提供早餐及午餐，
每餐均為 **360** 日幣

※點餐時須出示學生證，如無出示將以原價計算。



住宿支援

學校徒步圈範圍內

節省交通費！

皆由學校直接經營管理

無須透過日本仲介

每月房租全包

含水電・網路・瓦斯費



宿舍一覽

※需另外酌收入住費

- 東京校區
- 學生宿舍7棟
- 可入住人數: 120名



雙人房
單人套房

¥ 41,000 ~ ¥ 45,000/人
¥ 60,000 ~ ¥ 65,000/人

- 札幌校區
- 學生宿舍3棟
- 可入住人數: 60名



雙人房
單人套房

¥ 25,000 ~ ¥ 30,000/人
¥ 32,000 ~ /人



打工介紹

- **支援對象**：以有留學簽證及打工度假簽證的學生為主
- **支援內容**：舉辦打工說明會等
(例:日本知名連鎖店驚安的殿堂「唐吉訶德」等)



升學支援

- 定期進行個人面談
- 舉辦升學對策或模擬面試等事前準備活動
- 協助準備申請文件
- 舉辦校內升學說明會
- 邀請大學或專門學校的招生人員來校說明入學相關的內容



畢業生的升學狀況

大學

明治大學／法政大學／大阪大學／
近畿大學／千葉大學／中央大學／
早稻田大學／武蔵野學院大學 等

專門學校

辻調理師專門學校／服部營養專門學校
／東京動漫聲優專門學校／東京國際商
業學院／東京外國語專門學校／好萊塢
美容專門學校／日本電子專門學校／日
本健康醫療專門學校／日本外國語專門
學校／文化服飾專門學校 等



就職支援

- 定期進行個人面談
- 協助撰寫履歷書及應徵動機等就業事前準備活動
- 舉辦校內就業說明會
- 提供當地就業說明會資訊



畢業生的就業狀況

旅遊業（飯店/旅行公司）、
廣告業、
科技業（IT）、
情報通信業（遊戲軟體）…等





所需費用



長期課程



入學時期	升學課程	友語言學院(東京)	友國際文化學院(東京)	友語言學院札幌校
4月	2年	✓	✓	✓
	1年	✓		✓
7月	1年9個月	✓		
10月	1年6個月	✓	✓	✓
1月	1年3個月	✓		



課程總額 (長期)



入學時期	升學課程	友語言學院(東京)	友國際文化學院(東京)	友語言學院札幌校
4月	2年	1,512,000	1,512,000	1,412,000
	1年	781,000	-	731,000
7月	1年9個月	1,333,000	-	-
10月	1年6個月	1,146,500	1,146,500	1,071,500
1月	1年3個月	963,750	-	-

※另外酌收報名費: 30,000日幣。

※上述費用包含入學金, 學費, 教材費, 設施課外活動費, 保險費。

單位: 日幣



付款方式 (2年課程為例)



6個月/期	友語言學院(東京)	友國際文化學院(東京)	友語言學院札幌校
第1期	416,000		391,000
第2期	365,000		340,000
第3期	365,500		340,500
第4期	365,500		340,500

※僅第1期需繳交入學金50,000日幣。

※另外酌收報名費: 30,000日幣。

※上述費用包含入學金, 學費, 教材費, 設施課外活動費, 保險費。

單位: 日幣



短期課程



短期	入學時期	友語言學院(東京)	友語言學院札幌校
3個月	1.4.7.10月	165,000	160,000
2個月	另外確認	125,000	120,000
1個月		85,000	80,000

※上述費用包含入學金，學費，教材・課外活動費與保險費。

單位：日幣

※打工度假者可免除入學金。

遊學	課程長度	友語言學院(東京)	友語言學院札幌校
夏季	約1個月	約170,000	約165,000
冬季	約2週	約170,000	約165,000

※上述費用包含學費與住宿費。

單位：日幣

※費用將視期間長短而有所調整。

日本村有限公司 NIHON MURA CO.,LTD. <https://news.nihonmura.tw/>

10552 台北市松山區復興北路73號7樓之2 TEL : (02)8772-7977

aiueo@nihonmura.com (日本遊學 留學諮詢，採預約制。)





課程資訊



課表資訊



友語言學院

課程時間(週一~週五):上午班	
第1節	09:00 ~ 09:45
休息 5分	
第2節	09:50 ~ 10:35
休息10分	
第3節	10:45 ~ 11:30
休息 5分	
第4節	11:35 ~ 12:20

課程時間(週一~週五):下午班	
第1節	13:00 ~ 13:45
休息 5分	
第2節	13:50 ~ 14:35
休息10分	
第3節	14:45 ~ 15:30
休息 5分	
第4節	15:35 ~ 16:20



友國際文化學院

課程時間(週一~週五):上午班	
第1節	09:00 ~ 10:30
休息15分	
第2節	10:45 ~ 12:15

課程時間(週一~週五):下午班	
第1節	13:15 ~ 14:45
休息15分	
第2節	15:00 ~ 16:30



友語言學院札幌校

課程時間(週一~週五):上午班	
第1節	09:00 ~ 09:45
休息 5分	
第2節	09:50 ~ 10:35
休息10分	
第3節	10:45 ~ 11:30
休息 5分	
第4節	11:35 ~ 12:20

課程時間(週一~週五):下午班	
第1節	13:00 ~ 13:45
休息 5分	
第2節	13:50 ~ 14:35
休息10分	
第3節	14:45 ~ 15:30
休息 5分	
第4節	15:35 ~ 16:20



<http://yula.jp>

上官網追蹤我們的臉書

